TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2025/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: số B, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1964 (còn sống) và bà Trần Thị T2, sinh năm 1963 (còn sống); vợ: Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1986 (trước đây sống chung như vợ chồng, hiện tại không còn sống chung); bị cáo có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ - XPHC ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre (đã nộp phạt ngày 13/01/2025).

Bị cáo bị bắt để tạm giữ từ ngày 16/01/2025 đến ngày 22/01/2025, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện tại đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện T thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Trần Văn C, sinh năm 1967; nơi cư trú: số A, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Lê Thị T4, sinh năm 1975; nơi cư trú: số I, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Thị Như T5, sinh năm 1997; nơi cư trú: số I, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Kim C1, sinh năm 2000; nơi thường trú: số A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: số I, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15 tháng 01 năm 2025, Bùi Văn T nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng nên gọi điện thoại cho ông Trần Văn C (làm nghề chạy xe honda ôm) đến khu vực "ngã ba S T" thuộc xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre để điều khiển xe chở T đi đến thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre để mua ma túy. T nói với ông C là chở T đi lấy tiền trúng số đề nên ông C đồng ý và điều khiển xe chở T đi theo yêu cầu của T. Khi đến hẻm C thuế, T kêu ông C dừng xe mô tô đợi Tạo ở bên ngoài. Riêng T rẽ trái đi bộ khoảng 200 mét theo đường mòn đến nhà của bà Lê Thị T4 ở số I, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre để mua ma túy. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T đến bên cửa sổ căn nhà trên thì gặp 01 người thanh niên (T không biết là ai) nói số tiền mua ma túy là 300.000 đồng và đưa tiền vào cửa sổ thì người thanh niên đó nhận tiền và ném 02 gói nilon bên trong chứa ma túy qua cửa sổ cho T để T tự nhặt lấy đem về. Tạo cất giấu ma túy vào bên dưới lớp giấy kiếng bao quanh gói thuốc lá hiệu SAIGON của T mang theo sẵn trước đó rồi cất giấu vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi ra chỗ ông Chí Đ để ông C chở T đi về. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, khi ông C điều khiển xe chở T về đến đường Đ, đoạn phía trước Đ1 cung cấp dịch vụ Viễn thông V (thuộc Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre) thì gặp lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đang tuần tra. Nhìn thấy lực lượng Công an, T dùng tay trái lấy gói thuốc lá để bên trong túi quần phía trước bên trái chuyền gói thuốc lá qua tay phải rồi vứt xuống mặt đường. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện 02 gói nilon bên trong chứa ma túy đã cất giấu bên ngoài vỏ bao thuốc lá nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong chất nghi là ma túy và đồ vật có liên quan theo quy định của pháp luật để phục vụ công tác giám định, đồng thời đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, ghi nhận vị trí các dấu vết có liên quan.

Vật chứng, đồ vật được thu giữ gồm:

- 01 gói thuốc lá hiệu SAIGON màu vàng, kích thước 8,7cm x 5,5cm x 2,5cm, ở mặt trước phía dưới rãnh mở gói thuốc bên trong lớp nilon có 02 gói nilon màu trắng kích thước mỗi gói là 3,5cm x 01cm, được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (thu trên mặt đường nhựa sát lề lộ, cách trụ điện 2C hướng đông bắc 09m, cách trụ rào hướng Bắc của Đ1 cung cấp dịch vụ viễn thông Vinaphone Thạnh P 2,3m; được niêm phong trong túi nilon ký hiệu NS3, mã số NS3 23002900);

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu FUTURE, màu nâu, biển số 71C3-062.25, số máy JC53E0027941, số khung 5302CY027890 (của ông Trần Văn C).

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105 4G PRO, màu đen, bàn phím, số IMEI 1: 358589291678571, số IMEI 2: 358589291678589, gắn sim 0365073937 (của ông Trần Văn C đang sử dụng).

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, loại có bàn phím, số sê-ri 1: 353482150836735, số sê-ri 2: 353482152836733, gắn sim số 0704766942 (của Bùi Văn T đang sử dụng);

- Tiền Việt Nam: 186.000 đồng của Bùi Văn T (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng).

Tại Kết luận giám định số 28/2025/KL – KTHS ngày 18 tháng 01 năm 2025, Phòng K Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nilon được niêm phong trong túi nilon ký hiệu NS3, mã số NS3 23002900 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1506gam. Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre mẫu vật sau giám định đã được niêm phong lại có khối lượng 0,1323gam.

Trong quá trình điều tra, xác định vật chứng thu giữ không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông Trần Văn C xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu FUTURE, màu nâu, biển số 71C3-062.25, số máy JC53E0027941, số khung 5302CY027890 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 81/QĐ – ĐCSHS – KTMT và Biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre. Ngày 08 tháng 4 năm 2025, Cơ quan điều tra đã trao trả 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105 4G, màu đen, bàn phím, số IMEI 1: 358589291678571, số IMEI 2: 358589291678589, gắn sim 0365073937 cho ông Trần Văn C; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, loại có bàn phím, số sê-ri 1: 353482150836735, số sê-ri 2: 353482152836733, gắn sim số 0704766942 và số tiền 186.000 đồng cho Bùi Văn T theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1983/QĐ – CSMT và

Biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSTP-HS, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố Bùi Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2025. Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, không đảm nhận chức vụ nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói thuốc lá hiệu SAIGON màu vàng, kích thước 8,7cm x 5,5cm x 2,5cm, ở mặt trước phía dưới rãnh mở gói thuốc bên trong lớp nilon có 02 gói nilon màu trắng kích thước mỗi gói là 3,5cm x 01cm, được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng là ma túy (thu trên mặt đường nhựa sát lề lộ, cách trụ điện 2C hướng đông bắc 09m, cách trụ rào hướng Bắc của điểm cung cấp dịch vụ Viễn thông Vinaphone Thạnh P 2,3m; được niêm phong trong túi nilon ký hiệu NS3, mã số NS3 23002900). Sau giám định số ma túy còn lại có khối lượng 0,1323 gam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 28/2025 có chữ ký ghi tên Phan Trung T6, Bùi Văn T7, Bùi Văn T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B (vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSTP-HS ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

- Đối với vật chứng là: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu FUTURE, màu nâu, biển số 71C3-062.25, số máy JC53E0027941, số khung 5302CY027890; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105 4G, màu đen, bàn phím, số IMEI 1: 358589291678571, số IMEI 2: 358589291678589, gắn sim 0365073937; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, loại có bàn phím, số sê-ri 1: 353482150836735, số sê-ri 2: 353482152836733, gắn sim số 0704766942 và số tiền 186.000 đồng các vật chứng này đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm

pháp luật. Bị cáo đồng ý tội danh, điều luật, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Văn C, Lê Thị T4, Nguyễn Thị Như T5 và Kim C1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai cụ thể, rõ ràng trong quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, không có yêu cầu hoãn phiên tòa, đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 15 tháng 01 năm 2025, Bùi Văn T đã mua 02 gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1506 gam với giá 300.000 đồng. Bùi Văn T để ma túy vào bên dưới lớp giấy kiếng bao quanh gói thuốc lá hiệu SAIGON rồi cất giấu vào túi quần phía trước bên trái mang về để sử dụng. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, khi đang trên đường về, T bị lực lượng Công an đang tuần tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy nêu trên.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và vi phạm phát luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Bùi Văn T có nhân thân xấu, có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo phạm tội thuộc loại tội phạm nghiêm trọng nên cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo với các hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, từ đó để bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho cộng đồng.

Do nghề nghiệp của bị cáo và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, không đảm nhận chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 gói thuốc lá hiệu SAIGON màu vàng, kích thước 8,7cm x 5,5cm x 2,5cm, ở mặt trước phía dưới rãnh mở gói thuốc bên trong lớp nilon có 02 gói nilon màu trắng kích thước mỗi gói là 3,5cm x 01cm, được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng là ma túy được niêm phong trong túi nilon ký hiệu NS3, mã số NS3 23002900). Sau giám định số ma túy còn lại có khối lượng 0,1323 gam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 28/2025 có chữ ký ghi tên Phan Trung T6, Bùi Văn T7, Bùi Văn T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B (vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSTP-HS ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

- Đối với vật chứng là: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu FUTURE, màu nâu, biển số 71C3-062.25, số máy JC53E0027941, số khung 5302CY027890; 01

điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105 4G, màu đen, bàn phím, số IMEI 1: 358589291678571, số IMEI 2: 358589291678589, gắn sim 0365073937; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, loại có bàn phím, số sê-ri 1: 353482150836735, số sê-ri 2: 353482152836733, gắn sim số 0704766942 và số tiền 186.000 đồng các vật chứng này đã được xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

[9] Đối với việc Bùi Văn T khai nhận đã mua ma túy tại nhà của bà Lê Thị T4 ở số I, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Qua điều tra xác định trong gia đình bà T4 còn có bà Nguyễn Thị Như T5, ông Kim C1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng bà T4, bà T5 và ông C1 không thừa nhận có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T. Ngoài lời khai của T ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời khai của T về việc bà T4, bà T5 và ông C1 bán ma túy cho T nên chưa có căn cứ xử lý về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định. Đối với, ông Nguyễn Văn C2 làm nghề chạy xe ôm, khi chở T, ông C2 không biết T đi mua ma túy về tàng trữ để sử dụng nên không phạm tội.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả của hành vi, tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2025.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói thuốc lá hiệu SAIGON màu vàng, kích thước 8,7cm x 5,5cm x 2,5cm, mặt trước phía dưới rãnh mở gói thuốc bên trong

lớp nilon có 02 gói nilon màu trắng kích thước mỗi gói là 3,5cm x 01cm, được hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng là ma túy được niêm phong trong túi nilon ký hiệu NS3, mã số NS3 23002900. Sau giám định số ma túy còn lại có khối lượng 0,1323 gam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số 28/2025 có chữ ký ghi tên Phan Trung T6, Bùi Văn T7, Bùi Văn T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

Vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre theo Quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSTP-HS ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2025.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú;
- Công an xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA; VP TAND huyện Thạnh Phú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú